

CÔNG TY TNHH VĨA HÈ SÂN VƯỜN VÀ CÂY XANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VĨA HÈ SÂN VƯỜN VÀ CÂY XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GARDEN PAVEMENT AND GREEN TREES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GARDEN PAVEMENT AND GREEN TREES

2. Mã số doanh nghiệp: 0110794475

3. Ngày thành lập: 25/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 7, tòa tháp Ngôi Sao, số 68 phố Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02466896161

Fax:

Email: gachviahevietnam2024@gmail.com Website: com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa Chi tiết: sản xuất gạch, ngói chịu lửa.	2391
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: - Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm; - Sản xuất đá phiến và đá lát thềm không chịu lửa; - Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như: Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm... - Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung;	2392
3.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng hoặc các sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch, tấm, thanh, ống...	2395
4.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ kinh doanh vàng, quặng uranium và thorium	4662
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
7.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn được phẩm và dụng cụ y tế)	4649

9.	Xây dựng nhà để ở	4101
10.	Xây dựng nhà không để ở	4102
11.	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Xây dựng công trình thủy	4291
16.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
19.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
20.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21.	Phá dỡ (Trừ dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4311
22.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

26.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: - Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình nhà và công trình xây dựng khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng, - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác, - Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự, - Lắp đặt thiết bị nội thất, - Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được... - Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như: + Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm, + Lát gạch vỉa hè + Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác, + Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa, + Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến... + Giấy dán tường, - Sơn bên ngoài và bên trong công trình nhà, - Sơn các kết cấu công trình dân dụng, - Lắp gương, kính, - Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng, - Các công việc hoàn thiện nhà khác, - Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền...	4330(Chính)
27.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
	Chi tiết: hoạt động trang trí nội thất	
30.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: trồng cỏ, chăm sóc đồng cỏ	0119
31.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh, cỏ và các loại dùng để làm giống.	4620
32.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ kinh doanh máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá)	4659
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
36.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4651

37.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Trừ Sản xuất con dấu)	3290
38.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
39.	Trồng cây lâu năm khác	0129
40.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
41.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
42.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
43.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
44.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
45.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
46.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
47.	Trồng cây ăn quả	0121
48.	Chăn nuôi gia cầm	0146
49.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
50.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
51.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
52.	Khai thác thủy sản biển	0311
53.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
54.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
55.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
56.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
57.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
58.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
59.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
60.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
61.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
62.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Đào tạo trình độ sơ cấp	8531
63.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: đào tạo trình độ trung cấp	8532
64.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: đào tạo nghề (Trừ dạy về tôn giáo; hoạt động của các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
65.	Trồng lúa	0111
66.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
67.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
68.	Sản xuất điện	3511

69.	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải , điều độ hệ thống điện quốc gia)	3512
70.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
71.	Quảng cáo (Trừ các hoạt động quảng cáo Nhà nước cấm)	7310
72.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động điều tra)	7320
73.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
74.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
76.	Bốc xếp hàng hóa	5224
77.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
78.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5610
79.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
80.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ các hoạt động liên quan vận tải hàng không)	5229
82.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
83.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
84.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
85.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
87.	Cho thuê xe có động cơ	7710
88.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
89.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
92.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
93.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
94.	Khai thác gỗ	0220

95.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
96.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
97.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
98.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
99.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
100.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
101.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
102.	Bán buôn thực phẩm	4632

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP HUNG VIỆT- UDIC		Tầng 7 tòa tháp Ngôi Sao, số 68, phố Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.950.000.000	65,000	0104854447	
2	LÝ HOÀN MỸ	Việt Nam	19N07A Khu đô thị mới Dịch vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.050.000.000	35,000	001198000910	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÝ HOÀN MỸ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/11/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001198000910

Ngày cấp: 08/04/2024

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 19N07A Khu đô thị mới Dịch vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 19N07A Khu đô thị mới Dịch vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

